

Bản án số: 46 /2024/DS-ST

Ngày: 23-5-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cúc Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-DS ngày 10/4/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Kim S, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Bà Kim Thị K, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày và yêu cầu:

Ngày 28/9/2023 bà có cho ông Kim S và bà Kim Thị K vay số tiền vốn gốc bằng 170.000.000 đồng và hai vợ chồng cùng nhận tiền tại nhà bà Đ nhưng chỉ có bà Kim Thị K ký tên biên nhận nhận tiền, tuy biên nhận vay có thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng nhưng thực tế bà cho vay không có lấy lãi. Từ khi vay cho đến

nay vợ chồng ông S không hoàn trả tiền vay cho bà, nay bà yêu cầu ông Kim S, bà Kim Thị K phải hoàn trả số tiền vay gốc bằng 170.000.000 đồng, bà xin rút lại yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Kim Thị K và ông Kim S trình bày:*

Ông bà thừa nhận có vay của bà Đ số tiền vốn gốc bằng 170.000.000 đồng vào ngày 28/9/2023 và có cùng nhận số tiền này tại nhà bà Đ, thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày để ông bà hoàn trả tiền vay Ngân hàng và làm thủ tục vay lại, bà K thừa nhận chữ ký của bà trong biên nhận do bà Đ cung cấp. Sau khi trả tiền vay Ngân hàng xong và vay lại tiền thì ông bà có hoàn trả số tiền vay gốc bằng 150.000.000 đồng cho bà Đ, bà Đ nhận số tiền này nhưng không đồng ý làm biên nhận mà cho rằng sau khi ông bà trả đủ số tiền 170.000.000 đồng vốn gốc thì mới làm biên nhận trả đủ, như vậy ông bà chỉ còn nợ bà Đ số tiền 20.000.000 đồng chứ không phải 170.000.000 đồng như bà Đ khởi kiện. Ngoài ra ông bà cho rằng đã có đóng lãi cho bà Đ được 3.800.000 đồng từ ngày 28 đến 29/9/2023 nhưng bà Đ không thừa nhận là không đúng. Ngoài số tiền lãi của 20.000.000 đồng còn nợ thì con ông bà có chuyển khoản vài lần trả lãi cho bà Đ nhưng ông bà không rõ số tiền bao nhiêu, nay ông bà chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng cho bà Đ, số tiền còn lại không đồng ý trả.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, do bị đơn đã trả số tiền 1.000.000 đồng trước đó, nguyên đơn đồng ý căn trừ số tiền này vào số tiền vay gốc chưa trả, nên yêu cầu bị đơn phải trả tiếp số tiền vay còn lại là 169.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu tính lãi. Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập đương sự khác tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 169.000.000 đồng, do nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện bà Kim Thị K và ông Kim S trả số tiền vay gốc 170.000.000 đồng.

Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Sau khi thụ lý Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn ông Kim S, bà Kim Thị K vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, ông S bà K đã được Tòa án triệu tập họp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Tại phiên toà hôm nay, bà Đ cho rằng kể từ ngày vay số tiền 170.000.000 đồng cho đến nay, ông S bà K không đóng lãi của số tiền vay gốc nhưng có trả cho bà số tiền 1.000.000 đồng và bà đồng ý trừ số tiền này vào số tiền vay gốc nên bà yêu cầu ông S bà K phải trả tiếp số tiền còn lại là 169.000.000 đồng. Bà rút lại yêu cầu tính lãi, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền nêu trên là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Xét yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Đ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho bà K ông S về yêu cầu khởi kiện của bà Đ cũng như sao chụp tài liệu chứng cứ là biên nhận nhận tiền do bà Đ cung cấp để ông bà có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ nhưng ông bà không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên họp và hoà giải, đối chất. Tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 27-33) bà K ông S thừa nhận do cần tiền trang trải cuộc sống gia đình, ngày 28/9/2023 ông bà có đến nhà bà Đ vay số tiền 170.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng thỏa thuận thời hạn vay 02 ngày, đến ngày 29/9/2023 sau khi đáo hạn Ngân hàng và vay lại tiền thì ông bà có trả cho bà Đ số tiền 150.000.000 đồng nhưng bà Đ không đồng ý làm biên nhận và con ông bà có chuyển khoản đóng lãi số tiền 3.800.000 đồng nên chỉ còn nợ số tiền 20.000.000 đồng và phần lãi. Lời trình bày của ông S bà K không được bà Đ thừa nhận, tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 34) và tại phiên toà hôm nay bà Đ cho rằng từ ngày vay đến nay ông S bà K không đóng lãi, trả gốc, việc ông S cho rằng con ông có chuyển khoản trả lãi cho bà thực tế bà không nhận được mà đó chỉ là lời hứa suông của ông S khi bà đòi tiền nhiều lần không trả. Ngày 31/3/2024 Tòa án nhân dân huyện T ra Quyết định yêu cầu ông S bà K cung cấp tài liệu chứng cứ là biên nhận trả tiền vay hoặc văn bản thỏa thuận giữa bà K, ông S với bà Nguyễn Thị Đ, băng ghi âm, ghi hình...chứng minh ông bà đã có trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng cho bà Đ và bà Đ có trực tiếp nhận số tiền này, cung cấp biên nhận nhận tiền, băng sao kê các lần chuyển khoản trả tiền vay gốc, chuyển khoản đóng lãi của ông bà hoặc con của ông bà, chứng minh rằng ông bà có trả tiền vay gốc, đóng lãi số tiền 3.800.000 đồng từ ngày 28 đến 29/9/2023 như ông bà trình bày, cung

cấp nhân chứng chứng kiến ông bà đã có hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà Đ và chứng kiến ông bà có trả lãi nhưng ông bà không cung cấp được. Ngày 09/4/2024 Tòa án có thông báo đối chất để làm rõ lời khai của các bên khai nhận về số tiền 150.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn, về số tiền lãi 3.800.000 đồng bị đơn khai đã có đóng cho nguyên đơn nhưng ông S bà K từ bỏ quyền lợi của mình vắng mặt không có lý do. Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận lời trình bày của ông S bà K về việc có trả tiền vay gốc và lãi như ông bà trình bày.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, buộc ông S bà K phải trả số tiền vay gốc 169.000.000 đồng.

[5] Do bà Đ xin rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về lãi.

[6] Xét thấy quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Ông Kim S là người cao tuổi có đơn xin miễn, giảm án phí thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn nộp toàn bộ án phí, bà Kim Thị K phải chịu án phí theo quy định, bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 91, 92, 147, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

2. Buộc bà Kim Thị K ông Kim S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về yêu cầu tính lãi suất.

4. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu số tiền 8.450.000 đồng, miễn toàn bộ án phí cho ông Kim S, buộc bà Kim Thị K phải chịu 50% án phí bằng số tiền 4.225.000 đồng án phí.

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.167.500 đồng theo biên lai thu số 0000391 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết nơi cư trú theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký